

ぼうさい
防災カード [日本語]

Kard sa Pag-iwas sa Sakuna [フィリピン語]

บัตรป้องกันตัวจากภัยพิบัติ [ไทย]

Thẻ phòng tránh thảm họa [ベトナム語]

もしもに備えていつも持ち歩きましょう。
 Palaging dalhin para kung sakaling may mangyari
 โปรดพกติดตัวไว้ในกรณีเกิดเหตุฉุกเฉิน
 Nên mang theo bên người để dùng khi có thiên tai, thảm họa xảy ra

発行:(公財) 神戸国際コミュニティセンター
 Nag-isyu: Kobe International Community Center
 จัดทำ : Kobe International Community Center
 Phát hành bởi: Trung tâm Cộng đồng Quốc tế Kobe



非常持出品:できるだけ少なくしましょう!

Pang-emerhensiyang bagay na dalahin:
Hangga't maaari ay konti lang!

สิ่งของติดตัวยามฉุกเฉิน :
นำสิ่งของติดตัวให้น้อยที่สุดเท่าที่จะทำได้

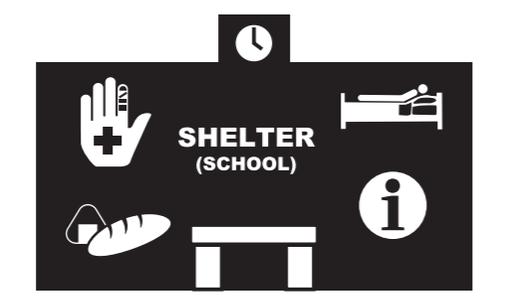
**Những vật cần mang theo khi có sự cố:
 Càng gọn nhẹ càng tốt!**



災害の発生 / Pagkakaroon ng sakuna /
 เกิดภัยพิบัติ / Thiên tai xảy ra



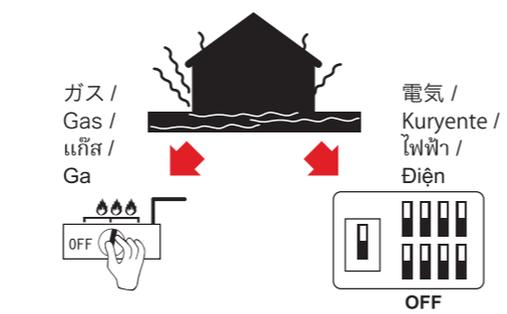
避難所へ / Sa Evacuation Center /
 ไปสถานหลบภัย / Đi đến nơi lánh nạn



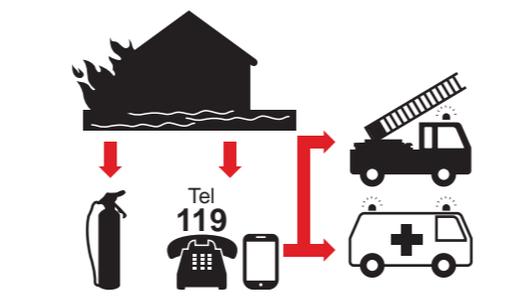
避難するときの注意
Pag-iingat sa oras na lilikas
ข้อควรระวังในขณะหลบภัย
Khi đi lánh nạn cần chú ý

	エレベーターは使わない Huwag gumamit ng elevator ไม่ใช่ลิฟท์ Không dùng thang máy
	ガラス窓などの落下注意 Mag-ingat sa mahuhulog na babasaging bintana at iba pa ระวังกระจกหน้าต่างตกลงมาใส่ Coi chừng cửa kính, v.v... rơi xuống
	車は使わない Huwag gumamit ng sasakyan ไม่ใช่รถยนต์ Không dùng xe hơi
	ブロック塀の倒壊注意 Mag-ingat sa mga bumagsak na pader na harang ระวังกำแพงอิฐล้มลงมาทับ Coi chừng tường gạch đổ xuống

火事を防ぐ / Iwasang magkasunog /
 ป้องกันการเกิดไฟไหม้ / Đề phòng hỏa hoạn



火事の発生 / Pagkakaroon ng sunog /
 เกิดไฟไหม้ / Hỏa hoạn xảy ra



津波 / Tsunami /
 สึนามิ / Sóng thần



高いところへ / Sa mataas na lugar /
 ไปที่สูง / Đi đến nơi cao ráo



相談窓口 / Korner ng Konsultasyon / สถานที่ขอคำปรึกษา / Noi tư vấn

神戸国際コミュニティセンター (KICC) TEL 078-742-8705 <https://www.kicc.jp/>
 〒653-0036 神戸市長田区腕塚町 5-3-1 アスタくにつか 1 番館南棟 4F

KICC は、多言語で情報提供・相談業務を行っています。
 (英語、中国語、韓国・朝鮮語、ベトナム語、ポルトガル語、スペイン語、タイ語、フィリピン語、ネパール語、インドネシア語)

Kobe International Community Center (KICC)
 TEL: 078-742-8705 <https://www.kicc.jp/fil/>
 〒653-0036 Asta Kunizuka 1-Bankan, South Building 4F 5-3-1, Udezuka-cho, Nagata-ku, Kobe

Ang KICC ay nagbibigay ng impormasyon at tumatanggap ng konsultasyon sa iba' t-ibang wika.
 (Mga wikang Ingles, Intsik, Koreyano, Vietnam, Portugal, Espanyol, Thai, Filipino, Nepal, Indonesia)

Kobe International Community Center (KICC)
 โทร: 078-742-8705 <https://www.kicc.jp/th/>
 ชั้น 4 อาคารตึกทิศใต้ Asta Kunizuka 1-Bankan, 5-3-1 Udezuka-cho, Nagata-ku, Kobe 653-0036

KICC ให้บริการข้อมูลข่าวสารและให้คำปรึกษาด้วยภาษาต่างประเทศ
 (ภาษาอังกฤษ, ภาษาจีน, ภาษาเกาหลี, ภาษาเวียดนาม, ภาษาโปรตุเกส, ภาษาสเปน, ภาษาไทย, ภาษาฟิลิปปินส์, ภาษาเนปาล, ภาษาอินโดนีเซีย)

Trung tâm Cộng đồng Quốc tế Kobe (KICC)
 TEL: 078-742-8705 <https://www.kicc.jp/vi/>
 Asta Kunizuka 1-Bankan, Tòa nhà phía Nam, Tầng 4, 5-3-1, Udezuka-cho, Nagata-ku, Kobe 〒653-0036

KICC có dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin bằng nhiều ngôn ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn Quốc - Triều Tiên, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thái lan, tiếng Phillipine, tiếng Nepal, tiếng Indonesia)

テレビやラジオ、国や自治体の発表など
正しい情報を得てください。

Kumuha ng tamang impormasyon sa
telebisyon o radyo na anunsyo at iba pa ng bansa o ng lokal na pamahalaan.

ขอได้รับฟังข้อมูลข่าวสารหรือการประกาศ
ที่ถูกต้องทางโทรทัศน์วิทยุ และจากรัฐบาล หรือจากเทศบาลท้องถิ่น

Hãy thu thập thông tin chính xác như thông
tin từ đài, TV hay phát ngôn của nhà nước, chính quyền địa phương.

NHK 第2大阪 / NHK 2 Osaka /
 NHK ช่อง 2 โอซาก้า / NHK 2 Osaka
AM 828 KHz

NHK WORLD-JAPAN
<https://www3.nhk.or.jp/nhkworld/>

NHK ラジオ /
 NHK Net Radio /
 NHK เน็ตเรดิโอ /
 NHK Net Radio
<https://www.nhk.or.jp/radio/>

避難所の場所がわからないときは、近くの人に、
 下の欄を指で指して見せましょう。「私を避難
 所に連れて行ってください」と書いてあります。

Kung hindi alam ang lugar ng evacuation center,
 ituro ng daliri ang nasa ibabang hanay at ipakita sa
 taong nasa malapit. Nakasulat ang “Pakisamahan
 naman po ako sa evacuation center”.

หากไม่ทราบว่าจะสถานหลบภัยอยู่ที่ไหน ขอให้ใช้นิ้วชี้ไปที่
 กรอบด้านล่างให้กับคนที่อยู่ใกล้ๆดู มิเขียนไว้ว่า
 “ช่วยพาฉันไปสถานหลบภัย”

Nếu không biết nơi lánh nạn, thì đưa cho người
 ở gần đó xem dòng chữ tiếng Nhật bên dưới.
 Dòng chữ này có nghĩa là [Xin dẫn tôi đến nơi
 lánh nạn].



避難カード / Kard sa Paglikas / บัตรใช้ตอนหลบภัย / Thẻ lánh nạn

名前 / Pangalan / ชื่อ / Họ tên		
住所 / Tirahan / ที่อยู่ / Địa chỉ		
最寄りの避難場所 / Pinakamalapit na lugar likasan / สถานที่หลบภัยฉุกเฉินที่ใกล้ที่สุด / Địa điểm lánh nạn gần nhất		
私の話せる言語 / Nakakapagsalitang wika / ภาษาที่ฉันพูดได้ / Ngôn ngữ mà tôi nói được		
大使館・領事館の電話番号 / Tel. no. ng Embahada/Konsulado / หมายเลขโทรศัพท์สถานทูต/สถานกงสุล / Số điện thoại của đại sứ quán hay lãnh sự quán		
国内の緊急連絡先 / Matatawagan sa loob ng bansa kapag may emerhensiya / ติดต่อฉุกเฉินในประเทศญี่ปุ่น / Số điện thoại, địa chỉ liên lạc khẩn cấp trong nước Nhật		
国外の緊急連絡先 / Matatawagan sa labas ng bansa kapag may emerhensiya / ติดต่อฉุกเฉินในต่างประเทศ / Số điện thoại, địa chỉ liên lạc khẩn cấp ngoài nước Nhật		
生年月日 / Kapanganakan / วันเดือนปีเกิด / Ngày tháng năm sinh	血液型 / Tipo ng dugo / กรุ๊ปเลือด / Nhóm máu	アレルギー / Alerdye / ภูมิแพ้ / dị ứng
身分証明書番号 (旅券など) / Numero ng pagkakakilanlan (pasaporte at iba pa) / หมายเลขบัตรแสดงตัว (หนังสือเดินทาง ฯลฯ) / Mã số giấy chứng minh về bản thân (hộ chiếu v.v.)		

記載しておく避難時に便利です。油性ペンをご使用ください。 / Kapaki-pakinabang kapag lilikas kung isusulat. Mangyaring gumamit ng oily pen.
 บันทึกรายละเอียดไว้จะช่วยให้สะดวกหากต้องหลบภัย เป็นต้น โปรดเขียนด้วยปากกามักน้ำมัน /
 Nếu ghi sẵn thì sẽ rất tiện khi lánh nạn .v.v... Nên ghi bằng bút lông dầu.

地震 / Lindol / แผ่นดินไหว / Động đất

- 地震が来たら**
 - 《家中》 テーブルや机の下に入りましょう。
 - 《外では》 ブロック塀、看板、ガラス窓から離れましょう。崖や川や海のそばに近づかないようにしましょう。
- 地震が止まったら**
 - 台所やストーブの火を消しましょう。
 - ガスが漏れていないか確かめましょう。
 - 余震に気をつけましょう。

1- Sa pagdating ng lindol

* (Sa loob ng bahay) Sumiksik sa ibaba ng mesa o desk.

* (Kung sa labas) Lumayo mula sa mga pader na harang, signboards, babasaging bintana. Huwag lumapit sa bangin, ilog at dagat.

2- Sa pagtigil ng lindol

* Patayin ang apoy sa kusina o stove.

* Alamin kung may tumagas na gas.

* Mag-ingat sa aftershock

避難 / Paglikas / หลบภัย / Lánh nạn

避難場所、避難所に行ってください。

◆ まず近くの公園や広場で状況を見てください。

◆ 災害の危険から逃れるため、緊急避難場所（公園、学校など）へ行ってください。津波のときの緊急避難場所は、高いところ、丈夫な建物の高い階などです。

◆ 災害の状況により、学校などに避難所が開設されます。

◆ 避難所には、食べ物、飲み物、寝るところ、情報があります。

◆ 逃げるときは、車ではなく歩いて逃げてください。

◆ 火事を防ぐために、ガス器具の元栓を締め、電気のブレーカーをおろしてから逃げてください。

Mangyaring pumunta sa lugar likasan, evacuation center.

* Una ay mangyaring tingnan muna ang sitwasyon sa malapit na parke o liwasan.

* Para makatalilis sa panganib ng sakuna, pumunta sa pang-emerhensiyang lugar likasan (parke, paaralan, at iba pa). Ang pang-emerhensiyang lugar likasan kapag may tsunami ay sa mataas na lugar, ang matataas na palapag ng isang matibay na gusali at iba pa.

* Magbubukas ng evacuation center sa paaralan at iba pa depende sa sitwasyon ng sakuna.

* Sa evacuation center ay may pagkain, inumin, lugar tulugan, impormasyon.

* Sa pagtallilis ay huwag sasakyan kundi maglakad sa pagtallilis.

* Para maiwasan ang sunog, isara muna ang pangunahing plug ng gas na kagamitan at ibaba ang breaker ng kuryente saka tumallilis.

(1) เมื่อเกิดแผ่นดินไหว

* (อยู่ในบ้าน) เข้าหลบใต้โต๊ะ

* (อยู่ข้างนอกบ้าน) ออกมาให้ห่างจากกำแพงอิฐ, ป้าย, และกระจกหน้าต่าง และอย่าเข้าไปอยู่ใกล้หน้าต่าง ผนัง และทะเล

(2) เมื่อแผ่นดินไหวหยุด

* ดับแก๊สในครัวและดับ/ปิดไฟที่เตาหรือเตาทำความร้อน

* ตรวจสอบดูว่ามีแก๊สรั่วอยู่หรือไม่

* โปรดระวังแผ่นดินไหวตาม(อาฟเตอร์ช็อก)

1- Khi động đất xảy ra

* [Nếu ở trong nhà] Chui xuống gầm bàn

* [Nếu ở bên ngoài] Nên tránh xa tường gạch, bảng hiên, cửa kính. Cũng không nên đến gần vách đá, sông hay biển.

2- Khi cơn rung đã ngưng

* Tắt lửa của bếp hay lò sưởi.

* Xác nhận xem ga có bị rò rỉ không.

* Nên chú ý về dư chấn

避震 / 避震 / หลบภัย / Lánh nạn

避震場所、避震所に行ってください。
◆ 最近近くの公園や広場で状況を見てください。

◆ 災害の危険から逃れるため、緊急避震場所（公園、学校など）へ行ってください。津波のときの緊急避震場所は、高いところ、丈夫な建物の高い階などです。

◆ 災害の状況により、学校などに避震所が開設されます。

◆ 避難所には、食べ物、飲み物、寝るところ、情報があります。

◆ 逃げるときは、車ではなく歩いて逃げてください。

◆ 火事を防ぐために、ガス器具の元栓を締め、電気のブレーカーをおろしてから逃げてください。

Mangyaring pumunta sa lugar likasan, evacuation center.

* Una ay mangyaring tingnan muna ang sitwasyon sa malapit na parke o liwasan.

* Para makatalilis sa panganib ng sakuna, pumunta sa pang-emerhensiyang lugar likasan (parke, paaralan, at iba pa). Ang pang-emerhensiyang lugar likasan kapag may tsunami ay sa mataas na lugar, ang matataas na palapag ng isang matibay na gusali at iba pa.

* Magbubukas ng evacuation center sa paaralan at iba pa depende sa sitwasyon ng sakuna.

* Sa evacuation center ay may pagkain, inumin, lugar tulugan, impormasyon.

* Sa pagtallilis ay huwag sasakyan kundi maglakad sa pagtallilis.

* Para maiwasan ang sunog, isara muna ang pangunahing plug ng gas na kagamitan at ibaba ang breaker ng kuryente saka tumallilis.

津波 / Tsunami / สึนามิ / Sóng thần

◆ 地震の後で、津波が何度も来ることがあります。

◆ 海の近くにいる人は、高いところに早く逃げてください。

◆ 地震が速くて起きてても、津波が来ることがあります。

◆ 地震が速くて起きてても、津波が来ることがあります。

* Pagkatapos ng lindol, may ilang beses nang pangyayari na may dumating na tsunami.

* Ang mga taong nasa malapit sa dagat ay mangyaring lumikas sa mataas na lugar.

* May pangyayari na dumarating ang tsunami kahit na sa malayo nagkaroon ng lindol.

大雨・台風 / Malakas na ulan/Bagyo / ฝนตกหนัก / พายุ / Mưa to – Bão

◆ 大雨が降ったときは、川の水が増えて危険です。川に近づいてはいけません。

◆ 雨が続くと土砂災害や水災害が起きることがあります。

◆ 日本では夏から秋にかけて台風がたくさん来ます。台風が来たら、
・窓に鍵をかける。
雨戸・シャッターを閉める。
・家の外に置いたゴミ箱、鉢植えなどを風で飛ばされないようにするか、家の中に入れる。
・雨や風が強いときは、外出しない。

◆ 気象情報に注意してください。避難指示が出たら、安全な場所に逃げてください。

警戒レベル 5: 緊急安全確保（災害発生 / 命が危険）
警戒レベル 4: 避 難 指 示 ※全員避難してください!
警戒レベル 3: 高 齢 者 等 避 難

* Kapag malakas ang buhos ng ulan, ang tubig sa ilog ay tumataas kaya mapanganib. Huwag lumapit sa ilog.

* May pangyayaring kapag sunud-sunod ang pag-ulan ay nagkakaroon ng sakunang pagguho ng lupa o kaya ay sakuna sa tubig.

* Sa Japan ay maraming bagyo ang dumarating mula tag-araw hanggang taglagas.

Kapag dumating ang bagyo ay
- I-lock ang bintana. Isara ang blind/shutter.
- Ang nakalagay sa labas ng bahay na basurahan, nasa pasong tinanim at iba pa ay gawan ng paraan na hindi tangayin ng hangin o kaya ay ipasok sa loob ng bahay.
- Huwag lumabas kapag malakas ang ulan o hangin.

* Bigyang-pansin ang impormasyon ng panahon. Kapag may inilabas na kautusang lumikas, mangyaring tumakbo sa ligtas na lugar.

Antas 5 ng Babala:	Emerhensiyang pagtiyak sa kaligtasan (May sakuna/mapanganib ang buhay)
Antas 4 ng Babala:	Kautusang lumikas *Mangyaring lahat ay magsipaglikas!
Antas 3 ng Babala:	Ilikas ang matatanda at iba pa

* หลังเกิดแผ่นดินไหว จะมีโอกาสเกิดสึนามิขึ้นได้หลายครั้ง

* หากอยู่ใกล้กับทะเล ขอให้รีบหนีขึ้นไปยังที่สูงโดยเร็ว

* แม้แผ่นดินไหวจะเกิดในสถานที่ที่ไกลออกไป แต่ก็มีโอกาสที่สึนามิจะมาถึง

* Sau khi động đất xảy ra, sóng thần có thể ập tới nhiều lần.

* Những người đang ở gần biển, hãy nhanh chóng chạy lên những nơi cao ráo để lánh nạn.

* Cho dù động đất xảy ra ở xa, thì vẫn có nguy cơ sóng thần ập tới.

大雨・台風 / Malakas na ulan/Bagyo / ฝนตกหนัก / พายุ / Mưa to – Bão

* เมื่อมีฝนตกหนัก ระดับน้ำของแม่น้ำจะสูงขึ้นจนเกิดอันตราย ที่เข้าใกล้แม่น้ำ

* เมื่อฝนตกอย่างต่อเนื่อง อาจทำให้เกิดภัยจากดินโคลนถล่ม หรืออุทกภัย(ภัยจากน้ำ)ได้

* ที่ประเทศญี่ปุ่นจะมีพายุเข้ามาเป็นจำนวนมากในช่วงระหว่างฤดูร้อนจนถึงฤดูใบไม้ร่วง

ปฏิบัติดังต่อไปนี้หากมีพายุเข้า
- ล็อคคอกอนหน้าต่าง ปิดบานเลื่อนเหล็กกันฝน/หน้าต่างเหล็กม้วน
- จัดเก็บถังขยะหรือกระถางต้นไม้ เป็นต้น ที่วางอยู่นอกบ้าน ไม่ให้ถูกลมพัดไป หรือนำเข้ามาเก็บในบ้าน
- ไม่ออกจากบ้านขณะที่มีฝนตกหนักและลมแรง

* เผื่อติดตามข้อมูลพยากรณ์อากาศ เมื่อมีคำสั่งให้หลบภัย ขอให้รีบหนีไปยังสถานที่ที่ปลอดภัย

เตือนภัยระดับ 5:	มาตรการความปลอดภัยในภาวะฉุกเฉิน (เกิดภัย/มีอันตรายต่อชีวิต)
เตือนภัยระดับ 4 :	คำสั่งให้หลบภัย *ให้ทุกคนหลบภัย
เตือนภัยระดับ 3 :	การหนีหลบภัยของผู้สูงอายุ เป็นต้น

* Khi mưa to, mực nước có thể sẽ dâng lên gây nguy hiểm nên dùng đến gần bờ sông.

* Nếu mưa liên tục, có khả năng sẽ xảy ra sạt lở đất hay lụt lội.

* Ở Nhật, từ mùa hè cho tới mùa thu thường có nhiều bão.

Nếu bão tới:
- Khóa cửa sổ lại. Đóng cửa chắn mưa (cửa chớp) hay cửa cuốn lại.
- Gia cố thể gió không thổi bay chậu cây hay thùng rác lại hoặc đem vào nhà.
- Khi mưa to hay gió mạnh không nên ra ngoài.

* Chú ý xem bản tin khí tượng. Nếu có Chỉ thị lánh nạn (*Hinan Shiji*) thì hãy sơ tán đến nơi an toàn.

Mức cảnh giác 5:	Đảm bảo an toàn khẩn cấp (Phát sinh thiệt hại/ Nguy hiểm đến sinh mạng)
Mức cảnh giác 4:	Chỉ thị lánh nạn * Tất cả hãy đi sơ tán!
Mức cảnh giác 3:	Người cao tuổi, v.v. sơ tán

緊急速報メール / Emerhensiyang babala sa mail / อีเมลแจ้งข่าวด่วนฉุกเฉิน / Tin nhắn thông báo tình trạng khẩn cấp

◆ 携帯電話に、緊急地震速報、津波警報、災害・避難情報が届きます。(無料です。機種ごとに受信設定が必要)

◆ 兵庫県の「ひょうご防災ネット」は、多言語で防災情報を配信しています。 ※自動機械翻訳 (無料です。https://bosai.net/ から登録が必要)

*Makakatanggap sa cellphone ng emerhensiyang babala sa mail ukol sa lindol, babala sa tsunami, impormasyon sa sakuna/paglikas. (Libre po. Sa bawat modelo ay kinakailangan lamang na i-set para sa pagtanggap)

*Ang “Net sa Pag-iwas sa Sakuna ng Hyogo” ay nagpapadala sa iba’ t-ibang wika ng impormasyon sa pag-iwas sa sakuna. *Awtomatikong pagsasalín ng makina (Libre po. Kinakailangan lang na magparehistro sa https://bosai.net/)

安否確認・連絡方法 / Pagkumpirma sa kaligtasan/paraan ng pakikipag-ugnay วิธีตรวจสอบสถานะความปลอดภัยและติดต่อ / Phương thức liên lạc và xác nhận an toàn

◆ 大きな災害が起きたときは、「災害用伝言サービス」を使って家族や友だちと連絡して、安否確認ができます。

◆ 「災害用伝言ダイヤル（171）」は、電話（音声）で利用できます。

◆ 「災害用伝言板」（インターネット）は、NTT、NTT docomo、au、SoftBank などが行っています。

※KICC のホームページから各社の伝言サービスにリンクしています。

* Kapag nangyaring malaki ang sakuna, magagamit ang “Serbisyo ng Mensahe sa Sakuna” para makaugnayan ang kapamilya o kabigang at makumpirma ang kaligtasan.

*“(171) ang dial ng Mensahe sa Sakuna (*Saigaiyodengon dial*)”, na maaari sa telepono (audio).

* Ang sa “(internet) na bersyon ng Mensahe sa Sakuna” ay ang NTT, NTT docomo, au, SoftBank at iba pa ang nagsasagawa.

- Sa homepage ng KICC ay may mga link ng serbisyong mensahe ng bawat kumpanya.

- Sa homepage ng KICC ay may mga link ng serbisyong mensahe ng bawat kumpanya.

特別警報（とくべつけいほう Tokubetsu Keiho） / Espesyal na Babala ประกาศเตือนภัยพิเศษ (โทคุเบะเซชิเคโฮ) / Cảnh báo đặc biệt

『特別警報（とくべつけいほう）』は、特に大きな災害が起りそうなときに発表されます（大型台風・集中豪雨の時など）。すぐに身の安全を守ってください。

『特別警報（とくべつけいほう）』は、特に大きな災害が起りそうなときに発表されます（大型台風・集中豪雨の時など）。すぐに身の安全を守ってください。

“Ang Espesyal na Babala (*Tokubetsu Keiho*)” ay isang anunsyo kapag may posibleng mangyaring malaking sakuna (napakalakas na bagyo/malakas na ulan at iba pa). Mangyaring kaagad na panatilihing ligtas ang sarili.

災害に備えて (KICC) 
Paghahanda para sa kalamidad (KICC) 

การเตรียมพร้อมรับมือภัยธรรมชาติ (KICC) 
 sẵn sàng ứng phó thiên tai (KICC) 

* จะมีการแจ้งเตือนการเกิดแผ่นดินไหว สัญญาณเตือนสึนามิ ข่าวสารของภัยอันตราย/การหลบหนีภัย ไปยังโทรศัพท์มือถือ (ฟรี จำเป็นต้องตั้งค่าในการรับข้อมูลที่เครื่องโทรศัพท์)

* “เฮียวโงะโบไซเน็ต” ของจังหวัดเฮียวโงะทำการเผยแพร่ข้อมูลการป้องกันภัยไว้ด้วยหลายภาษา *เป็นการแปลโดยเครื่องแปลอัตโนมัติ (ฟรี จำเป็นต้องเข้าไปลงทะเบียนที่ https://bosai.net/)

* Các tin nhắn thông báo về thiên tai, lánh nạn, thông báo động đất khẩn cấp, cảnh báo sóng thần sẽ được gửi tới điện thoại di động của bạn. (Miễn phí, cần cài đặt trên mỗi loại máy để nhận tin)

* Tại trang web Hyogo Bousai Net của tỉnh Hyogo, có thể xem các thông báo về phòng chống thiên tai bằng nhiều ngôn ngữ *Dịch tự động bằng máy (Miễn phí. Cần đăng ký tại trang https://bosai.net/)

เมื่อเกิดภัยพิบัติใหญ่ สามารถใช้ “บริการรับฝากข้อความเมื่อเกิดภัยพิบัติ” ในการติดต่อคนในครอบครัวหรือเพื่อน เพื่อตรวจสอบสถานะความปลอดภัยได้

* “บริการรับฝากข้อความเมื่อเกิดภัยพิบัติ (โทร 171)” เป็นบริการทางโทรศัพท์ (ฝากข้อความเสียง)

* “กระดานสำหรับเขียนฝากข้อความเมื่อเกิดภัยพิบัติ” (อินเทอร์เน็ต) จะให้บริการโดยบริษัทผู้ให้บริการโทรศัพท์มือถือ NTT, NTT docomo, au, SoftBank เป็นต้น

- ที่เว็บไซต์ของ KICC มีระบุลิงค์ที่สามารถเชื่อมโยงไปยังบริการกระดานสำหรับเขียนฝากข้อความของผู้ให้บริการโทรศัพท์มือถือตัว

* Sau khi xảy ra thiên tai lớn, có thể sử dụng “Dịch vụ truyền tin dùng trong thảm họa” để liên lạc với người thân, bạn bè và xác nhận an toàn.

* “Số tổng đài truyền tin dùng trong thảm họa (171)” có thể dùng qua điện thoại (hình thức nghe - nói).

* “Bảng truyền tin dùng trong thảm họa” (dùng qua internet) do các nhà mạng NTT, NTT docomo, au, SoftBank cung cấp.

- (KICC có link dẫn tới dịch vụ truyền tin của các nhà mạng.)

- (KICC có link dẫn tới dịch vụ truyền tin của các nhà mạng.)

ประกาศเตือนภัยพิเศษ (โทคุเบะเซชิเคโฮ) จะประกาศหากคาดว่า จะเกิดภัยพิบัติที่รุนแรงเป็นพิเศษขึ้น (เช่น พายุขนาดใหญ่ / ฝนตกหนักมากและต่อเนื่อง เป็นต้น) ขอให้รับป้องกันความปลอดภัยของท่านทันที

<Cảnh báo đặc biệt> (*Tokubetsu Keiho*) là cảnh báo được thông báo khi có nguy cơ xảy ra thảm họa thiên tai lớn (bão lớn, mưa lớn, v.v.). Cần nhanh chóng thực hiện các biện pháp để tự bảo vệ bản thân.